

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM



**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
TỔNG HỢP**

QUÝ IV/2016

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN TỔNG HỢP
QUÝ IV NĂM 2016

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
1	2	3	4	5
A-TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		333,100,170,405	370,092,908,944
I-Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	129,423,860,775	179,009,997,707
1. Tiền	111		90,423,860,775	114,509,997,707
2. Các khoản tương đương tiền	112		39,000,000,000	64,500,000,000
II-Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		30,000,000,000	37,000,000,000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	30,000,000,000	37,000,000,000
III-Các khoản phải thu ngắn hạn	130		164,817,198,278	144,731,314,322
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	139,731,412,961	115,444,223,162
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		2,253,519,845	2,432,934,162
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	23,789,459,564	35,894,774,560
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137	V.5	(957,194,092)	(9,040,617,562)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV-Hàng tồn kho :	140		-	175,500
1. Hàng tồn kho	141	V.6	-	175,500
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V-Tài sản ngắn hạn khác	150		8,859,111,352	9,351,421,415
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.11	669,842,656	630,869,548
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.14	8,087,699,171	8,518,282,718
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	V.14	101,569,525	202,269,149
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
B-TÀI SẢN DÀI HẠN	200		240,970,813,010	190,395,785,505
I-Các khoản phải thu dài hạn	210		8,400,338,470	7,954,789,470
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.3	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.4	8,400,338,470	7,954,789,470
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II-Tài sản cố định	220		138,138,043,359	80,159,250,263
1. TSCĐ hữu hình	221	V.8	58,564,219,086	60,446,768,406
- Nguyên giá	222		140,037,671,702	134,518,875,233
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(81,473,452,616)	(74,072,106,827)
2. TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-



TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. TSCĐ vô hình	227	V.9	79,573,824,273	19,712,481,857
- Nguyên giá	228		82,906,761,828	22,331,234,828
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		(3,332,937,555)	(2,618,752,971)
III-Bất động sản đầu tư	230	V.10	45,616,681,501	49,801,071,781
- Nguyên giá	231		74,584,104,356	74,584,104,356
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(28,967,422,855)	(24,783,032,575)
IV-Tài sản dở dang dài hạn	240		327,786,187	305,518,229
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.7	327,786,187	305,518,229
V-Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	46,571,906,891	49,798,005,790
1. Đầu tư vào công ty con	251		37,392,586,378	37,392,586,378
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		3,175,492,779	3,175,492,779
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		11,594,332,006	11,589,789,363
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254		(5,590,504,272)	(2,359,862,730)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI- Tài sản dài hạn khác	260		1,916,056,602	2,377,149,972
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.11	1,916,056,602	2,377,149,972
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		574,070,983,415	560,488,694,449
NGUỒN VỐN				
C-NỢ PHẢI TRẢ	300		265,881,603,878	275,456,462,414
I-Nợ ngắn hạn	310		258,056,413,728	260,508,772,264
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	88,065,314,209	84,013,518,902
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		10,427,135,577	20,226,015,048
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	10,289,224,258	14,395,364,675
4. Phải trả người lao động	314		37,104,533,324	40,746,902,010
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.15	20,037,665,286	7,054,001,263
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	363,483,182	200,000,000
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.16	83,309,571,566	87,172,844,581
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.12	-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		8,459,486,326	6,700,125,785
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II-Nợ dài hạn	330		7,825,190,150	14,947,690,150
1. Phải trả người bán dài hạn	331	V.13	-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333	V.15	500,000,000	500,000,000
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.16	733,770,150	707,770,150
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.12	6,591,420,000	13,739,920,000
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-

3789
 CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 HÀNG HẢI
 VIỆT NAM
 PHÒNG CHẾ

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối quý	Số đầu năm
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-
D-VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		308,189,379,537	285,032,232,035
I-Vốn chủ sở hữu	410		308,189,379,537	285,032,232,035
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.18	116,500,000,000	116,500,000,000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		116,500,000,000	116,500,000,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.18	91,269,882,762	74,261,208,991
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.18	12,921,703,776	12,734,417,453
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.18	87,497,792,999	81,536,605,591
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		34,264,841,214	24,538,467,644
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		53,232,951,785	56,998,137,947
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		574,070,983,415	560,488,694,449
			-	-

Tp.HCM, ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người lập biểu

PT. Ban TCKT

Tổng Giám đốc






NGUYỄN LƯƠNG HUY

VÕ TRUNG THẮNG

VŨ XUÂN TRUNG



**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH TỔNG HỢP
 QUÝ IV NĂM 2016**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý IV		Lũy kế từ đầu năm đến cuối quý này	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5	6	7
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	282,662,356,931	246,419,902,302	863,320,476,854	863,530,535,637
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.1	-	-	-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	VI.1	282,662,356,931	246,419,902,302	863,320,476,854	863,530,535,637
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	260,038,725,545	221,737,957,074	772,016,237,916	774,970,097,706
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		22,623,631,386	24,681,945,228	91,304,238,938	88,560,437,931
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	20,045,359,086	22,389,013,662	30,989,126,837	59,057,109,074
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	725,643,290	1,094,608,503	4,615,599,386	4,180,871,145
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		-	-	-	-
8. Chi phí bán hàng	25		-	-	-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	26,049,178,547	38,013,140,861	77,984,696,645	79,203,250,276
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh [30= 20+(21-22)-(25+26)]	30		15,894,168,635	7,963,209,526	39,693,069,744	64,233,425,584
11. Thu nhập khác	31	VI.5	30,222,767	(2,134,831,459)	22,693,624,244	5,516,790,984
12. Chi phí khác	32	VI.6	669,253,172	2,059,861,736	902,584,831	2,165,769,694
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(639,030,405)	(4,194,693,195)	21,791,039,413	3,351,021,290
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		15,255,138,230	3,768,516,331	61,484,109,157	67,584,446,874
15. Chi thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	(90,352,743)	(1,591,618,547)	8,251,157,372	10,586,308,927
16. Chi thuế TNDN hoãn lại	52		-	-	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN(60=50-51-52)	60		15,345,490,973	5,360,134,878	53,232,951,785	56,998,137,947

Người lập biểu



PT. Ban TCKT



VÕ TRUNG THẮNG



Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tổng Giám đốc

VU XUÂN TRUNG

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1	2	3	4	5
I- LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		61,484,109,157	67,584,446,874
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		12,331,375,653	12,325,369,956
- Các khoản dự phòng	03		(4,852,781,928)	1,011,813,546
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(190,959,487)	(631,943,976)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(26,734,735,422)	(49,561,774,804)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		42,037,007,973	30,727,911,596
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(10,000,990,188)	(17,199,760,604)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		175,500	5,616,000
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		5,200,717,882	15,048,750,365
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		422,120,262	6,221,703,028
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Lãi tiền vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(9,635,385,088)	(12,735,738,772)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(5,016,443,723)	(8,065,216,342)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		23,007,202,618	14,003,265,271
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(66,822,762,914)	(30,823,773,086)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		26,200,000	672,607,273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	(5,000,000,000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		7,000,000,000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(1,940,000,000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	16,058,448,283
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		24,950,333,307	26,445,770,032
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(34,846,229,607)	5,413,052,502
III- LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		2,333,081,633	5,381,451,185
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(9,333,081,633)	(5,381,451,185)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(30,775,992,775)	(11,652,200,000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(37,775,992,775)	(11,652,200,000)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50=20+30+40)	50		(49,615,019,764)	7,764,117,773
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		179,009,997,707	171,122,463,380
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		28,882,832	123,416,554
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70=50+60+61)	70		129,423,860,775	179,009,997,707

Người lập biểu



NGUYỄN LƯƠNG HUY

PT.Ban TCKT



VÕ TRUNG THẮNG



XUÂN TRUNG

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12 Tân Trào, P. Tân Phú, Q.7, TP.HCM

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP Quý IV Năm 2016

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- 1. Hình thức sở hữu vốn** : Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước – Đại lý Hàng hải Việt Nam theo Quyết định số 5099/QĐ-BGTVT ngày 30 tháng 12 năm 2005 của Bộ Giao thông Vận tải. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103005432 ngày 20 tháng 10 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, và các giấy chứng nhận điều chỉnh.
- 2. Lĩnh vực kinh doanh** : Dịch vụ, thương mại.
- 3. Ngành nghề kinh doanh** : Đại lý, kiểm đếm hàng hóa; Môi giới và dịch vụ hàng hải; Đại lý tàu biển và đại lý hàng hải; Sản xuất các loại miếng đệm kỹ thuật; Vận tải container bằng đường bộ; Cho thuê văn phòng; Dịch vụ cung ứng tàu biển; Xuất nhập khẩu, mua bán, đại lý ký gửi hàng hóa trong và ngoài nước gồm: hóa chất phục vụ sản xuất (trừ hóa chất có tính độc hại mạnh), hàng nông – hải sản; Vận tải hàng hóa bằng đường bộ và đường thủy; Bốc xếp hàng hóa; Đại lý ký gửi hàng; Vận tải đa phương quốc tế; Dịch vụ lai dắt tàu biển; Dịch vụ logistic; Mua bán, cho thuê và sửa chữa container; Kinh doanh vận tải biển; Kinh doanh kho bãi; Kinh doanh cơ sở lưu trú du lịch: khách sạn (không kinh doanh khách sạn tại trụ sở); Dịch vụ khai thuê hải quan.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- 1. Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- 1. Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.
- 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**
Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2014 của Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính .

3. **Hình thức kế toán áp dụng**
Công ty sử dụng hình thức kế toán chứng từ ghi sổ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. **Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. **Tiền và tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. **Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

4. **Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác**

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn trên 3 năm.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. **Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 44
Máy móc và thiết bị	05
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 11
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 10

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu để tạo ra doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận ngay vào chi phí khi phát sinh hoặc phân bổ dần vào chi phí trong suốt thời hạn cho thuê phù hợp với việc ghi nhận doanh thu cho thuê hoạt động.

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phản ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là nhà kho và sân bãi thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí trong kỳ, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Bất động sản đầu tư được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư là từ 05 – 20 năm.

8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không tính khấu hao.

Riêng các quyền sử dụng đất có xác định thời hạn sử dụng sẽ được khấu hao trong thời gian sử dụng tương ứng như sau:

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng.

9. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

10. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí trong kỳ. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm.

Tiền thuê đất trả trước

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng tại. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

Chi phí sửa chữa tài sản cố định

Chi phí sửa chữa tài sản cố định là toàn bộ chi phí thực tế Công ty đã chi ra để sửa chữa văn phòng, nhà làm việc. Chi phí này được phân bổ trong thời gian không quá 3 năm.

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng trong kỳ.

13. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc đối với thời gian người lao động làm việc tại Công ty mà không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

14. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính

15. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hoá, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

16. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

17. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, trừ nợ phải trả liên quan đến thuê mua tài chính, các khoản nợ phải trả tài chính khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

18. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VII.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****1. Tiền**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	2,301,319,708	2,434,809,165
Tiền gửi ngân hàng	88,122,541,067	112,075,188,542
Các khoản tương đương tiền	39,000,000,000	64,500,000,000
Cộng	<u>129,423,860,775</u>	<u>179,009,997,707</u>

2. Các khoản đầu tư tài chính**a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	<u>Số cuối quý</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
- Tiền gửi có kỳ hạn dưới 12 tháng tại ngân hàng	30,000,000,000	30,000,000,000	37,000,000,000	37,000,000,000
Cộng	<u>30,000,000,000</u>	<u>30,000,000,000</u>	<u>37,000,000,000</u>	<u>37,000,000,000</u>

b) Đầu tư tài chính dài hạn

	<u>Số cuối quý</u>			<u>Số đầu năm</u>		
	Sở hữu	Giá gốc	Dự phòng	Sở hữu	Giá gốc	Dự phòng
Công ty con		37,392,586,378	2,829,406,497		37,392,586,378	2,359,862,730
- Công ty CP BĐS Đại lý Hàng hải Việt Nam ¹	51,5%	37,392,586,378	2,829,406,497	51,5%	37,392,586,378	2,359,862,730
Công ty liên kết		3,175,492,779	2,761,097,775		3,175,492,779	-
- Công ty TNHH China Shipping Việt Nam ²	40%	3,175,492,779	2,761,097,775	40%	3,175,492,779	-
Đơn vị khác		11,594,332,006			11,589,789,363	
- Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam ³	913,390 CP	7,400,160,000		913,390 CP	7,400,160,000	
- Tổng công ty CP Thép Việt Nam ⁴	200,000 CP	2,020,000,000		200,000 CP	2,020,000,000	
- Công ty CP Vinalines Logistics Việt Nam ⁵	50,000 CP	500,000,000		50,000 CP	500,000,000	
- Công ty TNHH Yusen Logistics và Vận tải VN ⁶	51%	1,072,836,000		51%	1,072,836,000	
- Công ty TNHH Yusen Logistics Việt Nam ⁷	1%	63,746,040		1%	63,746,040	
- Công ty liên doanh Bông Sen ⁸	0.27%	537,589,966		0.27%	533,047,323	
Tổng cộng		<u>52,162,411,163</u>	<u>5,590,504,272</u>		<u>52,157,868,520</u>	<u>2,359,862,730</u>

⁽¹⁾Khoản 9 Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2009 Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam thông qua việc thành lập Công ty cổ phần để thực hiện Dự án xây dựng Trung tâm điều hành SXKD tại số 1 Bến Vân Đồn, Quận 4, TP.HCM.

Vốn điều lệ VOSALAND là 100 tỷ, trong đó Công ty góp 51,5% bao gồm giá trị quyền sử dụng đất số 01 Bến Vân Đồn, Quận 4, TP.HCM và 5.000.000.000 đồng tiền mặt. Giá trị khoản đầu tư vào công ty con được trình bày theo giá gốc. Ngày 12/09/2016, căn cứ Nghị quyết số 13/2016/NQ/HĐQT-NK3-

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

THYK, Hội đồng quản trị Công ty nhất trí thông qua việc bán đấu giá toàn bộ số cổ phần nắm giữ tại Công ty cổ phần Bất động sản Đại lý hàng hải Việt Nam.

⁽²⁾Ngày 4/7/2016, căn cứ Nghị quyết số 09/2016/NQ/HĐQT-NK3-THYK, Hội đồng quản trị Công ty thông qua việc chấm dứt hợp đồng liên doanh giữa Công ty cổ phần Đại lý hàng hải Việt Nam và China Shipping Regional Holdings Pte Ltd., và giải thể Công ty TNHH China Shipping Việt Nam. Hiện nay, Công ty TNHH China Shipping Việt Nam đang tiến hành các bước thủ tục để giải thể. Tổng lỗ lũy kế năm 2016 (chưa kiểm toán) là 11,7 tỷ đồng.

⁽³⁾Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam (VOSA) tiền thân là Đại lý Hàng hải Việt Nam là cổ đông sáng lập Ngân hàng Hàng hải Việt Nam vào năm 1991. Số cổ phiếu VOSA sở hữu là tích lũy qua nhiều năm do quá trình góp vốn, tăng vốn bằng cổ phiếu, chi cổ tức bằng cổ phiếu.

⁽⁴⁾Tổng công ty thép Việt Nam (VNSTEEL) là đối tác quan trọng của VOSA ở khu vực miền Bắc. VOSA đã thực hiện cung cấp dịch vụ đại lý vận tải cho VNSTEEL trong nhiều năm. Khi VNSTEEL thực hiện bán cổ phiếu ra công chúng lần đầu (IPO), VOSA đã thực hiện đấu giá mua 200.000 cổ phiếu của VNSTEEL.

⁽⁵⁾VOSA là cổ đông thành lập Công ty CP VINALINES LOGISTICS năm 2007 và đã niêm yết trên sàn UPCOM với mã chứng khoán VLG. Hàng năm cổ tức được chia trung bình 5-6%.

⁽⁶⁾Ngày 01/04/2014, Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam và Yusen Logistics (Singapore) Pte. Ltd thành lập Công ty TNHH Yusen Logistics và vận tải Việt Nam với vốn điều lệ 100.000USD, tỷ lệ góp vốn của VOSA là 51%. Công ty hoạt động trong các lĩnh vực giao nhận và kho bãi, làm thủ tục hải quan, môi giới, vận tải đường bộ, v.v... Theo Hợp đồng liên doanh VOSA sẽ được nhận khoản phí quản lý cố định hàng năm và không tham gia quản lý, kiểm soát hoạt động hàng ngày của Công ty TNHH Yusen Logistics và vận tải Việt Nam. Đối với phần lợi nhuận của liên doanh vẫn được chia theo tỷ lệ góp vốn của hai bên.

⁽⁷⁾Công ty TNHH Yusen Logistics (Việt Nam) (trước đây là Công ty TNHH Yusen Logistics Solutions Việt Nam). Ngày 26 tháng 3 năm 2014, Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam đã chuyển nhượng 50% vốn cho đối tác nước ngoài là Yusen Logistics (Singapore) Pte. Ltd. Từ ngày 01/04/2014, VOSA chỉ còn giữ 1% vốn góp và nhận lãi cố định hàng năm. Theo hợp đồng chuyển nhượng, Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam sẽ tiếp tục được chia lợi nhuận đối với số dư lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty TNHH Yusen Logistics Solutions (Việt Nam) lũy kế đến ngày 31 tháng 3 năm 2014 theo tỷ lệ vốn góp trước thời điểm chuyển nhượng (Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam: 51%, Yusen Logistics (Singapore) Pte. Ltd.: 49%) theo thông báo chia lợi nhuận của Công ty TNHH Yusen Logistics (Việt Nam) phân kỳ 7 năm (2014-2020), mỗi kỳ VOSA được nhận số tiền 15,5 tỷ đồng.

⁽⁸⁾Được thành lập năm 1991, Công Ty Liên Doanh Bông Sen (**Cảng LOTUS**) là đơn vị liên doanh đầu tiên tại Việt Nam trong lĩnh vực khai thác cảng biển Quốc tế giữa Công ty VIETRANS, VOSA và đối tác nước ngoài BLASCO – Ukraine. Tại Công ty này, VOSA có vốn góp ban đầu là 23,705USD với tỷ lệ vốn góp 0,27%. Hàng năm, liên doanh đều chia lãi liên doanh và giữ lại một phần lợi nhuận để tái đầu tư. Số tiền lãi VOSA thực nhận không đáng kể do tỷ lệ góp vốn thấp.

3. Phải thu của khách hàng

	Số cuối quý	Số đầu năm
Liên danh Penta - Rinkai	8,430,293,711	-
Cty TNHH Naigai Nitto Logistics Việt Nam	17,590,068,254	13,186,417,987
Cty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo	13,838,401,465	18,946,868,061
Cty CP Thép Hòa Phát	4,785,561,825	-
Cty TNHH Xây lúa mì VFM – WILMAR	3,540,671,010	1,657,412,954
Nippon Yusen Kabushiki Kaisha	18,018,857,152	12,434,671,613
Phải thu khách hàng khác	73,527,559,544	69,218,852,547
Cộng	139,731,412,961	115,444,223,162

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Phải thu khác

a) Ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Lãi tiền gửi có kỳ hạn dự thu	1,252,336,111	2,182,328,888
Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	8,934,416,969
BHXX, BHYT, BHTN	22,248,396	91,411,126
Chi hộ vận chuyển, cước tàu, phí lưu kho, phí chứng từ, xếp dỡ, ... cho các hãng tàu	13,470,687,084	9,471,635,953
Tạm ứng	7,801,856,678	7,006,823,514
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	1,137,745,000	2,116,345,000
Khoản phải thu khác	104,586,295	6,091,813,110
Cộng	23,789,459,564	35,894,774,560

b) Dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Cầm cố, thế chấp, ký quỹ, ký cược	8,400,338,470	7,954,789,470
Khoản phải thu khác	-	-
Cộng	8,400,338,470	7,954,789,470

5. Nợ xấu

Nợ xấu	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Nợ phải thu khó đòi	Số đơn vị đã trích lập dự phòng	Nợ phải thu khó đòi	Số đơn vị đã trích lập dự phòng
- Phải thu khách hàng	1,133,369,156	957,194,092	3,648,744,225	3,464,721,927
- Phải thu ngắn hạn khác	-	-	5,575,895,635	5,575,895,635
Cộng	1,133,369,156	957,194,092	9,224,639,860	9,040,617,562

6. Hàng tồn kho

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Văn phòng phẩm	-	-	175,500	-
Cộng	-	-	175,500	-

7. Tài sản dở dang dài hạn

	Số đầu năm		Số cuối quý	
	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Giảm khác	Số cuối quý
Dự án nhà văn phòng Vitamas	305,518,229	581,546,096	665,922,774	221,141,551
Dự án nhà văn phòng Nha Trang	-	106,644,636	-	106,644,636
Mua nhà và đất số 25 Điện Biên Phủ- Hải Phòng ^(*)	-	64,290,754,000	-	-
Cộng	305,518,229	64,978,944,732	665,922,774	327,786,187

^(*) Thực hiện Nghị quyết số 11/2016/NQ/HĐQT-NK3-THYK ngày 10/08/2016 của Hội đồng quản trị về việc mua nhà và đất tại số 25 Điện Biên Phủ, Quận Ngô Quyền, TP.Hải Phòng với thời gian sử dụng đất

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

50 năm, diện tích đất là 2.668,3m². Công ty tạm hạch toán tăng nguyên giá TSCĐ trong khi chờ phê duyệt quyết toán giá trị dự án. Hiện nay, Công ty đang tiến hành các bước thủ tục cấp Giấy chứng nhận sử dụng.

8. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định Hữu hình	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Ngày 1/1/2016	86,881,306,160	38,015,819	42,543,876,758	5,055,676,496	134,518,875,233
- Mua trong năm	3,715,227,000	-	1,843,818,182	-	5,559,045,182
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	31,455,000	31,455,000
- Giảm khác	8,793,713	-	-	-	8,793,713
Ngày 31/12/2016	90,587,739,447	38,015,819	44,387,694,940	5,024,221,496	140,037,671,702
Hao mòn lũy kế					
Ngày 1/1/2016	40,322,364,304	38,015,819	29,517,785,073	4,193,941,631	74,072,106,827
- Khấu hao trong năm	3,784,793,872	-	3,288,397,019	359,609,898	7,432,800,789
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	31,455,000	31,455,000
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Ngày 31/12/2016	44,107,158,176	38,015,819	32,806,182,092	4,522,096,529	81,473,452,616
Giá trị còn lại					
Ngày 1/1/2016	46,558,941,856	-	13,026,091,685	861,734,865	60,446,768,406
Ngày 31/12/2016	46,480,581,271	-	11,581,512,848	502,124,967	58,564,219,086

9. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định Vô hình	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy vi tính	Cộng
Nguyên giá			
Ngày 1/1/2016	20,346,655,528	1,984,579,300	22,331,234,828
- Mua trong năm	60,575,527,000	-	60,575,527,000
Ngày 31/12/2016	80,922,182,528	1,984,579,300	82,906,761,828
Hao mòn lũy kế			
Ngày 1/1/2016	913,305,563	1,705,447,408	2,618,752,971
- Khấu hao trong năm	528,096,660	186,087,924	714,184,584
Ngày 31/12/2016	1,441,402,223	1,891,535,332	3,332,937,555
Giá trị còn lại			
Ngày 1/1/2016	19,433,349,965	279,131,892	19,712,481,857
Ngày 31/12/2016	79,480,780,305	93,043,968	79,573,824,273

10. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
Nguyên giá		
Ngày 1/1/2016	74,584,104,356	74,584,104,356
Ngày 31/12/2016	74,584,104,356	74,584,104,356
Hao mòn lũy kế		
Ngày 1/1/2016	24,783,032,575	24,783,032,575
- Khấu hao trong năm	4,184,390,280	4,184,390,280

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Ngày 31/12/2016				28,967,422,855	28,967,422,855
Giá trị còn lại					
Ngày 1/1/2016				49,801,071,781	49,801,071,781
Ngày 31/12/2016				45,616,681,501	45,616,681,501

11. Chi phí trả trước**a) Ngắn hạn**

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	45,616,272	50,069,142
Chi phí bảo hiểm	55,839,561	47,884,104
Chi phí văn phòng, thuê kho	509,197,273	302,727,271
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	59,189,550	230,189,031
Cộng	<u>669,842,656</u>	<u>630,869,548</u>

b) Dài hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ, dụng cụ	127,430,560	554,098,208
Tiền thuê đất trả trước	1,552,861,909	1,651,357,818
Chi phí trả trước dài hạn khác	235,764,133	171,693,946
Cộng	<u>1,916,056,602</u>	<u>2,377,149,972</u>

12. Vay và nợ thuê tài chính**a) Vay ngắn hạn**

	<u>Số đầu năm</u>	<u>Số tiền vay phát sinh trong năm</u>	<u>Số tiền vay đã trả trong năm</u>	<u>Số cuối quý</u>
Vay người lao động ^(*)	-	2,333,081,633	2,333,081,633	-
Cộng	<u>-</u>	<u>2,333,081,633</u>	<u>2,333,081,633</u>	<u>-</u>

^(*) Khoản vay người lao động công ty tại chi nhánh Northfreight theo Quyết định số 32/QĐ-NF ngày 31/03/2016 nhằm phục vụ sản xuất kinh doanh tại đơn vị. Khoản vay này có thời hạn 9 tháng, đáo hạn ngày 31/12/2016 và không chịu lãi.

b) Vay dài hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay dài hạn (Vosa Quảng Ninh) ⁽ⁱ⁾	7,000,000,000	7,000,000,000
Vay dài hạn các tổ chức và cá nhân khác ⁽ⁱⁱ⁾	6,591,420,000	6,739,920,000
- Công ty TNHH Luen Wah Trading (Hong Kong)	6,591,420,000	6,739,920,000
Cộng	<u>6,591,420,000</u>	<u>13,739,920,000</u>

⁽ⁱ⁾Khoản vay tín chấp của cán bộ công nhân viên Đại lý Hàng hải Quảng Ninh (Vosa Quảng Ninh) theo hợp đồng vay số 02/ĐLHH-ĐQH ngày 01/04/2014 nhằm mục đích ký quỹ vào Ngân hàng thương mại cổ phần kỹ thương Việt Nam – Chi nhánh Quảng Ninh để xin cấp giấy chứng nhận mã số kinh doanh tạm nhập tái xuất hàng hóa. Khoản vay này có thời hạn 5 năm, đáo hạn ngày 01/04/2019 và không chịu lãi. Tháng 8/2016, Công ty đã thanh lý Hợp đồng vay này.

⁽ⁱⁱ⁾Khoản vay dài hạn ngoại tệ với số tiền 1.980.000 CNY từ Luen Wah Trading Co.,Ltd (Hong Kong) theo hợp đồng số 01/LC-HK ngày 10/04/1998. Khoản vay này có thời hạn 25 năm và không chịu lãi.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

13. Phải trả người bán

	Số cuối quý	Số đầu năm
Công Ty TNHH Thương Mại Và Vận Tải Tiến Bộ	8,943,257,555	5,585,383,000
Công Ty TNHH Dịch Vụ VT & GN Tân Tiến Vina	3,188,740,001	1,131,170,000
Công ty CP Cảng Quảng Ninh	3,135,387,659	4,321,481,182
Công ty TNHH MTV TCT Tân Cảng Sài Gòn	5,712,068,621	13,429,265,853
Phải trả người bán khác	67,085,860,373	59,546,218,867
Cộng	88,065,314,209	84,013,518,902

14. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối quý
Thuế GTGT hàng bán nội địa	569,631,284	11,806,669,401	11,683,519,067	692,781,618
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1,406,294,962	8,251,157,372	9,635,385,088	22,067,246
Thuế thu nhập cá nhân	658,356,661	4,837,645,298	5,119,676,990	376,324,969
Tiền thuê đất	438,239,000	2,855,615,842	3,293,854,842	-
Các loại thuế khác	11,322,842,768	34,041,518,935	36,166,311,278	9,198,050,425
Cộng	14,395,364,675	61,792,606,848	65,898,747,265	10,289,224,258

Trong đó các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước bao gồm:

	Số cuối quý	Số đầu năm
Thuế GTGT	8,087,699,171	8,518,282,718
Thuế thu nhập cá nhân	43,001,442	202,269,149
Thuế khác	58,568,083	-
Cộng	8,189,268,696	8,720,551,867

15. Chi phí phải trả

a) Ngắn hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí vận tải thuê ngoài	19,198,142,843	5,970,294,939
Chi phí khác	839,522,443	1,083,706,324
Cộng	20,037,665,286	7,054,001,263

b) Dài hạn

	Số cuối quý	Số đầu năm
Chi phí khác	500,000,000	500,000,000
Cộng	500,000,000	500,000,000

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

16. Phải trả khác

a) Ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Bảo hiểm xã hội, BHYT, BHTN	21,916,080	33,500,888
Kinh phí công đoàn	1,546,704,626	1,176,114,256
Cổ tức phải trả	205,724,825	8,360,724,825
Nhận ký quỹ ngắn hạn	5,021,283,958	4,684,071,720
Các khoản trả hộ và tiền nhận để trả hộ cho các hãng tàu	61,826,963,316	56,531,959,324
Tiền tài khoản ký ngân của các hãng tàu	10,506,344,110	12,244,568,320
Giữ hộ tiền của Công ty TNHH SYMS Việt Nam	3,737,387,440	3,737,387,440
Phải trả khác	443,247,211	404,517,808
Cộng	<u>83,309,571,566</u>	<u>87,172,844,581</u>

b) Dài hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Nhận ký quỹ dài hạn	733,770,150	707,770,150
Phải trả khác		
Cộng	<u>733,770,150</u>	<u>707,770,150</u>

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Doanh thu khác	363,483,182	200,000,000
Cộng	<u>363,483,182</u>	<u>200,000,000</u>

18. Vốn chủ sở hữu

a) Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ	Lợi nhuận sau thuế	Cộng
Số dư đầu năm trước	116,500,000,000	56,397,655,039	12,311,461,686	69,715,928,478	254,925,045,203
Lợi nhuận trong năm				56,998,137,947	56,998,137,947
Trích lập các quỹ		17,863,553,952	1,531,161,767	(23,372,460,834)	(5,977,745,115)
Chia cổ tức				(19,805,000,000)	(19,805,000,000)
Chí quỹ			(1,108,206,000)		(1,108,206,000)
Số dư cuối năm trước	116,500,000,000	74,261,208,991	12,734,417,453	81,536,605,591	285,032,232,035
Số dư đầu năm nay	116,500,000,000	74,261,208,991	12,734,417,453	81,536,605,591	285,032,232,035
Lợi nhuận trong năm				53,232,951,785	53,232,951,785
Trích lập các quỹ		17,008,673,771	1,457,886,323	(23,971,764,377)	(5,505,204,283)
Chia cổ tức				(23,300,000,000)	(23,300,000,000)
Chí quỹ			(1,270,600,000)		(1,270,600,000)
Số dư cuối năm nay	116,500,000,000	91,269,882,762	12,921,703,776	87,497,792,999	308,189,379,537

* Số dư Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu bao gồm : Quỹ dự trữ tăng vốn điều lệ: 11.650.000.000đ và Quỹ đối ngoại phát triển kinh doanh: 1.271.703.776đ.

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**b) Cổ phiếu**

	Số cuối quý		Số đầu năm	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành	<u>11,650,000</u>	<u>116,500,000,000</u>	<u>11,650,000</u>	<u>116,500,000,000</u>
Số cổ phiếu đang lưu hành				
Cổ phiếu phổ thông	<u>11,650,000</u>	<u>116,500,000,000</u>	<u>11,650,000</u>	<u>116,500,000,000</u>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

19. Chi tiêu ngoại bảng

Ngoại tệ các loại	Số cuối quý	Số đầu năm
- USD	<u>2,134,138</u>	<u>2,823,881</u>
Cộng	<u>2,134,138</u>	<u>2,823,881</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	<u>863,320,476,854</u>	<u>863,530,535,637</u>
- Doanh thu đại lý tàu rời	55,727,399,056	54,208,713,071
- Doanh thu đại lý vận tải	510,166,977,431	521,524,189,511
- Doanh thu đại lý liner	22,675,745,168	27,169,380,135
- Doanh thu kiểm kiện	19,590,875,825	20,809,433,879
- Doanh thu kho ngoại quan	94,332,971,079	119,661,503,982
- Doanh thu tạm nhập tái xuất	14,726,968,107	23,332,720,829
- Doanh thu cung cấp dịch vụ tàu	56,793,030,127	12,277,563,512
- Doanh thu cho thuê phương tiện	55,130,683,840	64,591,577,863
- Doanh thu cho thuê kho, khách sạn	25,300,310,186	11,565,943,223
- Doanh thu dịch vụ khác	8,875,516,035	8,389,509,632
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Doanh thu thuần	<u>863,320,476,854</u>	<u>863,530,535,637</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chi tiết doanh thu theo phân loại của Tổng công ty hàng hải Việt Nam

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng doanh thu	863,320,476,854	863,530,535,637
- DT vận tải và hỗ trợ vận tải	510,166,977,431	521,524,189,511
- DT cảng biển và hỗ trợ cảng biển	209,917,734,016	179,056,668,460
- Kinh doanh xăng dầu		
- Sửa chữa tàu biển		
- Cho thuê văn phòng	25,300,310,186	11,565,943,223
- Doanh thu khác	117,935,455,221	151,383,734,443
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	863,320,476,854	863,530,535,637

2. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	74,037,914,896	79,690,476,529
Chi phí khấu hao tài sản cố định	9,422,458,889	9,844,280,008
Chi phí dịch vụ mua ngoài	656,048,146,177	662,444,405,280
Chi phí khác	32,507,717,954	22,990,935,889
Cộng	772,016,237,916	774,970,097,706

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi ngân hàng	5,714,135,464	6,000,112,296
Cổ tức, lợi nhuận được chia	20,994,399,958	29,989,146,952
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4,089,631,928	9,535,997,567
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	190,959,487	631,943,976
Lãi chuyển nhượng vốn	-	12,899,908,283
Cộng	30,989,126,837	59,057,109,074

4. Chi phí tài chính

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1,384,668,109	3,741,140,030
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính	3,230,641,542	416,486,730
Chi phí tài chính khác	289,735	23,244,385
Cộng	4,615,599,386	4,180,871,145

5. Thu nhập khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	26,200,000	672,607,273
Các khoản nợ không xác định được chủ	611,551,880	4,538,968,726
Tiền đền bù, hỗ trợ di dời văn phòng*	22,000,000,000	
Các khoản thu nhập khác	55,872,364	305,214,985
Cộng	22,693,624,244	5,516,790,984

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

* Khoản đền bù, hỗ trợ di dời khỏi văn phòng đang thuê tại số 3-5-7-11 Nguyễn Huệ, P. Bến Nghé, Q.1, TP.HCM của Chi nhánh công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam – Đại lý Hàng hải Sài Gòn (Vosa Sài Gòn) theo biên bản thỏa thuận số 54/2016/BBTT-PL ngày 04/04/2016 giữa Công ty cổ phần An Phú và Công ty cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam. Theo đó, Công ty cổ phần An Phú sẽ thay thế Vosa Sài Gòn trong việc quản lý, sử dụng văn phòng đang thuê này.

6. Chi phí khác

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế bị phạt, bị truy thu	233,727,184	2,109,413,102
Các khoản chi phí khác	668,857,647	56,356,592
Cộng	<u>902,584,831</u>	<u>2,165,769,694</u>

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	40,849,217,134	40,083,796,335
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2,908,916,764	2,481,089,948
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30,221,697,587	30,717,077,232
Chi phí khác	4,004,865,160	5,921,286,761
Cộng	<u>77,984,696,645</u>	<u>79,203,250,276</u>

8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nhân viên	114,887,132,030	119,774,272,864
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12,331,375,653	12,325,369,956
Chi phí dịch vụ mua ngoài	686,269,843,764	693,161,482,512
Chi phí khác	36,512,583,114	28,912,222,650
Cộng	<u>850,000,934,561</u>	<u>854,173,347,982</u>

9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

Theo Luật số 32/2013/QH13 về sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khoá XIII kỳ họp thứ 5 thông qua ngày 19 tháng 6 năm 2013, thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp phổ thông là 20% từ ngày 01 tháng 01 năm 2016.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	61,484,109,157	67,584,446,874
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	1,213,182,500	8,729,527,560
- Các khoản điều chỉnh giảm	447,104,838	992,593,885
Tổng thu nhập chịu thuế	62,250,186,819	75,321,380,549
Thu nhập được miễn thuế	20,994,399,958	29,989,146,952
Thu nhập tính thuế	41,255,786,861	45,332,233,597
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	22%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	<u>8,251,157,372</u>	<u>9,973,091,390</u>
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước		613,217,537

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	<u>8,251,157,372</u>	<u>10,586,308,927</u>

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Các giao dịch phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Tổng Công ty hàng hải Việt Nam		
Chia cổ tức	16,059,060,000	10,111,260,000
Chi phí thuê văn phòng phải trả	811,520,000	921,600,000
Tiền điện phải trả	12,375,150	12,846,030
Công ty cổ phần bất động sản Đại lý Hàng hải Việt Nam		
Cho thuê văn phòng tại số 3-5-7 Nguyễn Huệ, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh	42,075,000	91,800,000
Góp vốn điều lệ bằng tiền		1,940,000,000
Góp vốn điều lệ bằng quyền sử dụng đất ở số 1, Bến Vân Đồn, Quận 4, TP.HCM		32,392,586,378
Nhận tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ đất ở số 1, Bến Vân Đồn, Quận 4, TP.HCM		39,180,959,052
Nhận tiền phạt chậm nộp tiền sử dụng đất và lệ phí trước bạ đất ở số 1, Bến Vân Đồn, Quận 4		767,481,206
Nhận tiền thuê đất 2010, 2011 ...		827,891,121
Công ty TNHH China Shipping Việt Nam		
Cổ tức được chia	3,925,765,895	4,484,836,842

2. Công nợ nội bộ với các đơn vị thuộc Tổng công ty Hàng hải Việt Nam

Công nợ phải thu	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công ty cổ phần Vinalines Nha Trang		
Phải thu các khoản thu chi hộ	125,410,683	125,410,683
Công ty CP đầu tư Cảng Cái Lân		
Phí cung cấp dịch vụ	36,280,496	-
Công ty CP Vinalines Logistics Việt Nam		
Phí cung cấp dịch vụ	72,600,000	660,000
	<u>234,291,179</u>	<u>126,070,683</u>
Công nợ phải trả		
	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tổng Công ty hàng hải Việt Nam		
Cổ tức phải trả		4,163,460,000
Chi phí dịch vụ	242,027,387	1,695,491

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẠI LÝ HÀNG HẢI VIỆT NAM

Địa chỉ: Lầu 5, Số 12, Tân Trào, P.Tân Phú, Q.7, TP.HCM

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối quý</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty cổ phần Cảng Đà Nẵng</i> Tiền cảng phí phải trả	280,227,018	28,374,957
<i>Công ty cổ phần Cảng Hải Phòng</i> Tiền cảng phí phải trả	2,865,185,828	2,714,238,374
<i>Công ty cổ phần Cảng Nghệ Tĩnh</i> Tiền cảng phí phải trả	21,428,736	
Công ty CP Vinalines Logistics Việt Nam Chi phí dịch vụ	144,000,000	
	<u>3,552,868,969</u>	<u>6,907,768,822</u>

Người lập biểu

PT. Ban TCKT

Lập, ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tổng giám đốc


NGUYỄN LƯƠNG HUY


VÕ TRUNG THÀNH


VÕ XUÂN TRUNG

